

Số: 185 /2022/QĐ-BKSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đợt 3 năm 2022.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 11 tháng 06 năm 2012 của UBND TP. Hồ Chí Minh về việc đổi tên trường Trung cấp Tây Bắc thành trường Trung cấp Bách Khoa Sài Gòn;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 45/GCNĐKHĐ-SLĐTBXH cấp ngày 28 tháng 07 năm 2017 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 27 tháng 04 năm 2022 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công nhận Hiệu trưởng Trường Trung cấp Bách Khoa Sài Gòn;

Căn cứ vào Biên bản họp xét công nhận tốt nghiệp của Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp đợt 3 năm 2022.

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận tốt nghiệp cho 206 sinh viên, hệ trung cấp chính quy, đợt 3 năm 2022, trong đó:

- Ngành Y sĩ đa khoa: 83
 - Ngành Dược: 85
 - Ngành Điều dưỡng: 38
- (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký, các ông(bà) Trưởng Phòng/ Khoa liên quan và sinh viên có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VP.HCNS; PĐT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Thị Ngọc Hà

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Đợt: 3

Năm: 2022

(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số 4851/2022/QĐ-BKSG ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Bách Khoa Sài Gòn).

NGÀNH Y SỸ

STT	MSSV	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm tốt nghiệp		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
							Thang điểm 10	Thang điểm 4		
1	1203240010	Nguyễn Trường	An	22/10/2000	Nam	Cà Mau	7,8	3,15	Khá	
2	1203240068	Lê Thị Trường	An	22/11/2001	Nữ	Tây Ninh	6,5	2,38	Trung bình	
3	1203180002	Nguyễn Quốc	Anh	22/11/1997	Nam	TP. Hồ Chí Minh	8,2	3,42	Giỏi	
4	2203180014	Hồ Thị	Anh	09/12/1995	Nữ	Thái Bình	8,0	3,29	Giỏi	
5	1832420491	Nguyễn Tuấn	Anh	24/03/1998	Nam	Hòa Bình	6,2	2,17	Trung bình	
6	2203240018	Nguyễn Đình	Bào	01/05/1998	Nam	Đắk Lắk	6,9	2,67	Khá	
7	2203180088	Du Phi	Bình	10/06/1991	Nam	TP. Hồ Chí Minh	7,8	3,18	Khá	
8	2203240262	Lê Công	Cẩn	03/01/2000	Nam	Gia Lai	8,1	3,31	Giỏi	
9	2193240321	Phan Thị Kim	Cương	20/09/1997	Nữ	Tiền Giang	7,5	3,01	Khá	
10	1203240006	Nguyễn Minh	Cường	09/10/1993	Nam	Đồng Nai	8,4	3,50	Giỏi	
11	1203240069	Kpă	Chuyn	07/03/2002	Nam	Gia Lai	7,8	3,16	Khá	
12	2203240115	Phan Thành	Chương	22/07/2000	Nam	Bình Định	7,6	3,10	Khá	
13	2203180065	Mai Thị Vĩ	Dạ	30/08/1986	Nữ	Gia Lai	8,9	3,77	Xuất sắc	
14	2203180100	Nguyễn Văn	Danh	27/05/1997	Nam	Bình Định	7,8	3,15	Khá	
15	2203240048	Lê Văn	Dũng	07/10/1999	Nam	Thanh Hóa	7,3	2,85	Khá	
16	2203240274	Nguyễn Công	Dương	21/11/2002	Nam	Kiên Giang	8,1	3,39	Giỏi	
17	1193240109	Nguyễn Hoàng	Dương	06/10/1997	Nam	An Giang	7,6	3,04	Khá	
18	2203240076	Phạm Ngọc	Đường	18/07/2001	Nam	Bình Định	7,1	2,74	Khá	
19	2203180066	Lâm Mỹ	Ênh	12/06/1992	Nữ	Kiên Giang	8,4	3,58	Giỏi	
20	2203240320	Trương Thị Chúc	Giang	28/08/2000	Nữ	An Giang	7,5	2,97	Khá	
21	1203180010	Mai Thị Quỳnh	Giao	21/11/1988	Nữ	Vĩnh Long	8,3	3,47	Giỏi	
22	2203240063	Nguyễn Văn	Hạnh	23/11/1993	Nam	Thanh Hóa	7,4	2,86	Khá	
23	2203180102	Lê Thị Thu	Hằng	23/07/1982	Nữ	Phú Thọ	7,9	3,26	Giỏi	
24	1203180049	Trần Thị	Hiền	20/02/1981	Nữ	Quảng Bình	7,7	3,11	Khá	
25	1203180048	Nguyễn Thị Kiều	Hoa	26/12/1985	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	8,1	3,33	Giỏi	
26	2203180119	Trần Tiến	Huy	05/11/1993	Nam	Bình Định	7,9	3,21	Giỏi	
27	2203240280	Nguyễn Thị	Huyền	22/07/1982	Nữ	Hải Dương	7,3	2,88	Khá	
28	2203180035	Nguyễn Việt	Hữu	06/06/1992	Nam	Đồng Nai	7,9	3,23	Giỏi	
29	2203180062	Võ Quốc	Khánh	12/09/1997	Nam	Đồng Nai	8,4	3,54	Giỏi	
30	2203180121	Nguyễn Xuân	Lai	28/01/1990	Nam	TP. Hồ Chí Minh	7,7	3,11	Khá	

STT	MSSV	Họ và tên đệm Tên		Năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm tốt nghiệp		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
							Thang điểm 10	Thang điểm 4		
31	2203180063	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	25/03/1997	Nữ	Đồng Nai	8,1	3,29	Giỏi	
32	2203180122	Trần Thị Yến	Linh	14/08/1983	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	7,9	3,21	Giỏi	
33	1203180011	Nguyễn Thành	Long	24/02/1990	Nam	Long An	8,0	3,35	Giỏi	
34	2203240249	Huỳnh Đức	Long	06/02/2002	Nam	Bình Định	7,3	2,89	Khá	
35	1203180044	Lê Hữu	Lộc	18/03/1990	Nam	Tây Ninh	8,2	3,41	Giỏi	
36	1203240081	Nguyễn Thành	Lộc	23/07/1992	Nam	TP. Hồ Chí Minh	8,4	3,57	Giỏi	
37	2203180086	Nguyễn Thị	Lụa	21/04/1992	Nữ	Bình Dương	7,6	3,07	Khá	
38	2203240243	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	14/08/2002	Nữ	Bình Định	7,2	2,82	Khá	
39	2203240266	Trần Thị Ánh	Mi	12/04/1998	Nữ	Phú Yên	7,6	3,03	Khá	
40	2203180093	Nguyễn Phương	Nam	21/06/1995	Nam	Cà Mau	7,7	3,09	Khá	
41	2203180001	Trần Tú	Nương	15/11/1995	Nữ	Bình Định	8,5	3,56	Giỏi	
42	1203180047	Phan Trần Phương	Nga	19/12/1995	Nữ	Bình Dương	8,1	3,33	Giỏi	
43	2203240250	Huỳnh Thị Hồng	Nga	01/06/2002	Nữ	Bình Thuận	6,9	2,65	Khá	
44	2203240003	Lê Kim	Ngân	10/04/2000	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	6,7	2,46	Trung bình	
45	2203240159	Nguyễn Thị Thu	Ngân	01/01/2000	Nữ	Trà Vinh	8,2	3,43	Giỏi	
46	2203240218	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	15/09/2002	Nữ	Bình Định	6,7	2,52	Khá	
47	2203180073	Đào Thị	Ngọc	20/05/1998	Nữ	Bình Phước	8,0	3,22	Giỏi	
48	2203180095	Phạm Thị Ánh	Nguyệt	12/08/1989	Nữ	Nam Định	7,4	2,97	Khá	
49	2203240099	Nguyễn Thanh Hà	Nhi	10/01/1999	Nữ	Đồng Nai	7,6	3,02	Khá	
50	2203180055	Nguyễn Thị Cẩm	Nhung	09/03/1984	Nữ	Tiền Giang	7,4	2,93	Khá	
51	2203240009	Trần Phạm Huỳnh	Như	09/07/2001	Nữ	Đồng Tháp	7,7	3,04	Khá	
52	1203180026	Phạm Thanh	Phong	10/12/1992	Nam	Tây Ninh	8,3	3,48	Giỏi	
53	2203240227	Nguyễn Minh	Phụng	06/05/2002	Nam	Bình Định	6,0	2,01	Trung bình	
54	2203240248	Huỳnh Thị Kim	Phụng	06/02/2002	Nữ	Bình Định	7,3	2,89	Khá	
55	2203180033	Đặng Duy	Quang	17/03/1996	Nam	An Giang	7,7	3,09	Khá	
56	1203180018	Nguyễn Văn	Quân	23/01/2002	Nam	Bình Dương	7,3	2,89	Khá	
57	2203240028	Nguyễn Trường	Son	10/08/1996	Nam	Cần Thơ	7,8	3,22	Giỏi	
58	1203240071	Rơ Mah	Sưa	01/01/2002	Nam	Gia Lai	8,0	3,32	Giỏi	
59	2203240065	Phan Văn	Tân	29/07/1995	Nam	Hải Phòng	7,5	2,88	Khá	
60	1833610303	Nguyễn Trọng	Tinh	11/12/2002	Nam	Long An	6,4	2,24	Trung bình	
61	2203240135	Lê Anh	Tuấn	21/09/2001	Nam	Lâm Đồng	7,2	2,81	Khá	
62	2203240209	Phan Lê Khánh	Tuyền	08/04/2002	Nữ	Bình Định	7,2	2,75	Khá	
63	2203240155	Dương Thị Bạch	Tuyết	20/07/1998	Nữ	Long An	7,8	3,25	Giỏi	
64	2203240279	Hồ Công	Tứ	07/07/2002	Nam	Quảng Trị	6,4	2,37	Trung bình	

STT	MSSV	Họ và tên đệm Tên		Năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm tốt nghiệp		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
							Thang điểm 10	Thang điểm 4		
65	2193240221	Nguyễn An	Thành	01/09/2000	Nam	Long An	6,4	2,32	Trung bình	
66	2203180053	Trần Thị Mộng	Thu	25/01/1984	Nữ	Bến Tre	8,9	3,74	Xuất sắc	
67	1203180021	Đinh Thy Tường	Thục	28/09/1990	Nữ	An Giang	8,7	3,67	Xuất sắc	
68	1203180008	Hồ Thị Thanh	Thủy	16/04/1991	Nữ	Bình Định	8,1	3,35	Giỏi	
69	1203180007	Lê Thị Thanh	Thúy	27/08/1983	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	8,5	3,59	Giỏi	
70	1193240105	Nguyễn Mộng	Thúy	17/10/2000	Nữ	Sóc Trăng	8,6	3,68	Xuất sắc	
71	2203240033	Trần Thị Anh	Thư	16/08/2001	Nữ	Long An	7,2	2,90	Khá	
72	2203180092	Nguyễn Hồng Anh	Thư	22/09/1986	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	8,6	3,55	Giỏi	
73	2203240096	Nguyễn Ngọc Huyền	Trang	17/03/1988	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	7,3	2,88	Khá	
74	1203240075	Nguyễn Ngọc Phương	Trâm	01/11/1997	Nữ	Long An	7,1	2,62	Khá	
75	1203240054	Trương Thị Quyền	Trân	07/07/2002	Nữ	Cà Mau	8,0	3,27	Giỏi	
76	2203240112	Phạm Thị Kiều	Trinh	23/02/1998	Nữ	Lâm Đồng	8,6	3,64	Xuất sắc	
77	2203180057	Lê Thị Tuyết	Trinh	12/11/1978	Nữ	Gia Lai	7,5	2,97	Khá	
78	1203240005	Trần Minh	Trọng	09/06/1992	Nam	Bình Dương	9,0	3,84	Xuất sắc	
79	1203240070	Siu	Vân	10/11/2001	Nam	Gia Lai	7,8	3,10	Khá	
80	2203240203	Huỳnh Võ Phương	Vy	31/01/2002	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	7,4	2,96	Khá	
81	2203240253	Trần Minh Quỳnh	Vy	06/10/1997	Nữ	Đồng Nai	6,9	2,66	Khá	
82	1203180040	Lộc Thị Như	Ý	07/10/1989	Nữ	Đồng Nai	8,6	3,64	Xuất sắc	
83	2203180120	Hồ Nguyễn Hoàng	Yến	28/08/1984	Nữ	Bến Tre	8,5	3,59	Giỏi	

TP. HCM, ngày tháng 11 năm 2022

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Nguyên Ngọc



Lê Bá Phước



Trần Văn Khoa



Vũ Thị Ngọc Hà

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Đợt: 3

Năm: 2022

(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 1851/2022/QĐ-BKSG ngày 15 tháng 11 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Bách Khoa Sài Gòn).

NGÀNH DƯỢC

STT	MSSV	Họ và tên đệm Tên		Năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm tốt nghiệp		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
							Thang điểm 10	Thang điểm 4		
1	2203240027	Trần Ngọc Trâm	Anh	03/10/1996	Nữ	Vĩnh Long	7,7	3,17	Khá	
2	2203240067	Nguyễn Thị	Anh	03/12/1982	Nữ	Nghệ An	7,4	2,99	Khá	
3	1833610021	Nguyễn Hà Tuấn	Anh	22/08/1999	Nam	Tây Ninh	6,2	2,19	Trung bình	
4	1203180014	Cao Thị	Bông	30/06/1982	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7,7	3,06	Khá	
5	1203180043	Nguyễn Thị Kim	Châu	11/10/1990	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7,8	3,24	Giỏi	
6	1203180005	Mai Hồng	Dạn	17/02/1985	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7,9	3,18	Khá	
7	2203180067	Huỳnh Thị Ngọc	Diễm	25/05/1990	Nữ	Đồng Tháp	8,0	3,33	Giỏi	
8	2203180032	Lê Thị Thùy	Dung	16/11/1986	Nữ	Bình Định	9,2	3,97	Xuất sắc	
9	1203240017	Nguyễn Thị Thanh	Đào	20/03/1983	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7,7	3,07	Khá	
10	2203240117	Vương Nguyễn Hồng	Đào	17/02/1994	Nữ	Bình Dương	8,3	3,50	Giỏi	
11	2203240098	Dương Nguyễn Hoa	Đặng	11/12/1996	Nữ	An Giang	8,0	3,27	Giỏi	
12	2203180110	Nguyễn Hùng	Đức	22/04/1997	Nam	Tiền Giang	8,8	3,75	Xuất sắc	
13	1203180055	Nguyễn Thị Ngọc	Hạnh	23/11/1981	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	8,8	3,68	Xuất sắc	
14	1203180027	Huỳnh Anh	Hào	20/05/1997	Nam	Tây Ninh	8,0	3,36	Giỏi	
15	1203240086	Trần Thị	Hằng	10/09/1984	Nữ	Long An	7,9	3,21	Giỏi	
16	2203180082	Nguyễn Phương	Hằng	08/11/1990	Nữ	Tây Ninh	8,3	3,52	Giỏi	
17	2193180018	Nguyễn Thị	Hằng	04/01/1992	Nữ	Thanh Hóa	8,8	3,76	Xuất sắc	
18	1203180036	Trần Thị Thu	Hiền	31/08/1982	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	8,3	3,47	Giỏi	
19	2203180101	Nguyễn Ngọc	Hiếu	30/06/1993	Nam	Kiên Giang	7,1	2,80	Khá	
20	1203180056	Phan Hồng	Huế	10/11/1982	Nữ	Long An	8,9	3,79	Xuất sắc	
21	2203240299	Nguyễn Thị	Huệ	20/06/1990	Nữ	Quảng Bình	6,7	2,53	Khá	
22	2203180079	Lê Thị	Kiều	04/12/1987	Nữ	Bình Định	7,9	3,30	Giỏi	
23	2203180059	Huỳnh Thị Hồng	Khanh	12/11/1988	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	3,56	Giỏi	
24	1203240060	Võ Quốc	Khánh	03/09/2002	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	7,3	2,87	Khá	
25	1203180015	Nguyễn Thị Ngọc	Lanh	25/03/1988	Nữ	Đồng Tháp	8,2	3,38	Giỏi	
26	2203240034	Lê Thị	Liên	15/12/1999	Nữ	Nghệ An	7,5	2,95	Khá	
27	2203180085	Ngô Thị	Liên	10/03/1994	Nữ	Nam Định	7,5	3,04	Khá	
28	1203180003	Huỳnh Kim	Liễu	05/10/1989	Nữ	Long An	8,3	3,51	Giỏi	
29	1203360177	Nguyễn Phan Thùy	Linh	06/09/2004	Nữ	Tây Ninh	6,6	2,38	Trung bình	
30	2203180108	Phạm Mai	Linh	10/10/1992	Nữ	Thái Bình	8,9	3,85	Xuất sắc	

STT	MSSV	Họ và tên đệm Tên		Năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm tốt nghiệp		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
							Thang điểm 10	Thang điểm 4		
31	2203240273	Nguyễn Phương	Linh	01/11/1995	Nữ	Cần Thơ	7,1	2,81	Khá	
32	2193240371	Nguyễn Thị	Linh	03/09/2001	Nữ	Thanh Hóa	6,2	2,15	Trung bình	
33	1193180037	Ngô Thị	Lý	03/09/1989	Nữ	Bà Rịa - Vũng Tàu	6,4	2,28	Trung bình	
34	1831810230	K'	Mách	20/05/1997	Nữ	Lâm Đồng	7,2	2,82	Khá	
35	2203180070	Nguyễn Nguyệt	Mai	15/03/1982	Nữ	Tiền Giang	9,2	3,85	Xuất sắc	
36	1203240059	Phan Thị	Mật	16/09/1997	Nữ	Tây Ninh	8,1	3,41	Giỏi	
37	1203180051	Lê Quế	Minh	05/03/1993	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7,7	3,13	Khá	
38	2203180037	Huỳnh Hoàng	Minh	01/07/1994	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	8,0	3,25	Giỏi	
39	1203240044	Đào Phương	Nam	10/10/2000	Nam	Nam Định	7,3	2,89	Khá	
40	1833620085	Hoàng Văn	Nam	14/07/2003	Nam	Đắk Lắk	5,8	2,31	Trung bình	
41	1203180031	Phan Trần Phương	Nga	19/12/1995	Nữ	Bình Dương	7,9	3,22	Giỏi	
42	1193240119	Phạm Nguyễn Kim	Ngân	11/01/2001	Nữ	Quảng Ngãi	7,3	2,90	Khá	
43	1203180013	Trần Thị Kim	Ngân	29/01/1989	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	8,2	3,45	Giỏi	
44	2203240104	Đỗ Xuân	Ngân	06/02/1971	Nam	Thanh Hóa	8,6	3,64	Xuất sắc	
45	1203180034	Lê Phước	Ngọc	19/11/1988	Nam	Bình Định	7,3	2,84	Khá	
46	2203180005	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	10/10/1994	Nữ	Bến Tre	7,4	3,04	Khá	
47	1203240024	Nguyễn Minh	Nhật	11/09/1989	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	7,1	2,84	Khá	
48	1203240078	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	02/02/1993	Nữ	Long An	7,4	2,92	Khá	
49	2193240373	Võ Kiều Nguyệt	Nhi	21/11/1996	Nữ	Bến Tre	6,5	2,33	Trung bình	
50	2203240330	Trần Thị Hoàng	Nhung	28/10/1984	Nữ	Quảng Nam	8,2	3,43	Giỏi	
51	1203240084	Lê Gia	Như	13/09/1999	Nữ	Long An	6,9	2,65	Khá	
52	2193240372	Lương Thị Quỳnh	Như	25/09/2001	Nữ	Bình Định	5,9	2,06	Trung bình	
53	2203180118	Cao Thị Ngọc	Oanh	09/09/1990	Nữ	Quảng Trị	8,0	3,30	Giỏi	
54	2203180002	Nguyễn Long Kim	Phụng	24/01/1988	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7,6	2,99	Khá	
55	1193240020	Nguyễn Thị Thu	Phương	19/12/1995	Nữ	Tây Ninh	7,6	3,13	Khá	
56	2213180012	Nguyễn Lan	Phương	10/02/1982	Nữ	Bình Định	7,5	3,01	Khá	
57	1203240079	Ngô Duy	Quan	04/05/1987	Nam	Long An	7,7	3,07	Khá	
58	2203180006	Nguyễn Nhật	Quang	21/05/1994	Nam	Bến Tre	7,1	2,75	Khá	
59	2203180008	Nguyễn Thị Tố	Quyên	07/12/1982	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7,2	2,89	Khá	
60	1203240022	Nguyễn Lê Thủy	Tiên	14/06/1982	Nữ	Long An	7,8	3,12	Khá	
61	2203180111	Phạm Ngọc	Toàn	10/11/1993	Nam	Bình Thuận	9,1	3,84	Xuất sắc	
62	2203240088	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	07/08/1994	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	8,9	3,81	Xuất sắc	
63	1203180053	Đặng Hoàng Quốc	Thái	10/07/1990	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	8,0	3,33	Giỏi	
64	1831810054	Mai Thị	Thảo	10/12/1983	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7,1	2,75	Khá	

STT	MSSV	Họ và tên đệm Tên		Năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm tốt nghiệp		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
							Thang điểm 10	Thang điểm 4		
65	2203240051	Trần Đình	Thắm	03/05/1982	Nam	Tiền Giang	7,9	3,19	Khá	
66	2203240091	Nguyễn Ngọc	Thi	27/05/2001	Nữ	Quảng Ngãi	6,8	2,56	Khá	
67	1203240036	Nguyễn Thị Kim	Thoa	08/07/1983	Nữ	Bình Dương	8,5	3,53	Giỏi	
68	2203180116	Nguyễn Ngọc	Thông	07/11/1982	Nam	Tp. Hồ Chí Minh	8,5	3,63	Xuất sắc	
69	1203180042	Nguyễn Thị	Thu	30/11/1982	Nữ	Nghệ An	7,3	2,85	Khá	
70	2203240200	Nguyễn Thị	Thuận	17/01/1999	Nữ	Hà Tây	8,0	3,36	Giỏi	
71	2203180112	Nguyễn Thị Thu	Thủy	24/04/1990	Nữ	An Giang	8,7	3,70	Xuất sắc	
72	1203240040	Lê Hoàng Thiên	Thư	17/07/2000	Nữ	Kiên Giang	7,9	3,29	Giỏi	
73	2203240079	Lương Thị	Thương	11/08/1983	Nữ	Lâm Đồng	7,4	2,89	Khá	
74	2203240305	Nguyễn Hoài	Thương	12/09/1999	Nữ	Đồng Nai	8,1	3,41	Giỏi	
75	2203180038	Nguyễn Thị Thuỳ	Trang	08/02/1981	Nữ	An Giang	8,4	3,56	Giỏi	
76	2203240164	Trương Thị Huệ	Trang	01/05/1996	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7,9	3,19	Khá	
77	2203240288	Nguyễn Thị Ngọc	Trân	01/01/1998	Nữ	Đắk Lắk	7,2	2,79	Khá	
78	1203240047	Nguyễn Thành	Triều	23/02/2000	Nam	An Giang	7,0	2,65	Khá	
79	1203240042	Trần Thị Mỹ	Truyền	11/06/1990	Nữ	Bến Tre	7,7	3,14	Khá	
80	2203240057	Trần Lê Phương	Uyên	19/10/1997	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	8,7	3,65	Xuất sắc	
81	2203240182	Huỳnh Thị Thúy	Uyên	22/11/1996	Nữ	Bến Tre	8,3	3,48	Giỏi	
82	2203180034	Ma Hàn Lâm	Viên	01/12/1979	Nữ	Nha Trang	7,4	2,90	Khá	
83	1203240066	Nguyễn Lâm Tường	Vy	22/11/1999	Nữ	Tp. Hồ Chí Minh	7,7	3,13	Khá	
84	1203180039	Võ Thị Bảo	Yến	12/12/1993	Nữ	Long An	7,9	3,20	Giỏi	
85	2203240287	Trịnh Thị	Yến	27/12/2000	Nữ	Thanh Hóa	7,0	2,69	Khá	

TP. HCM, ngày ... tháng ... năm 2022

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

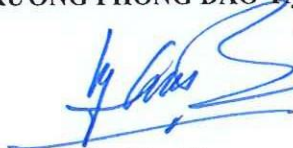
TRƯỞNG HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Nguyên Ngọc



Lê Bá Phước



Trần Văn Khoa



Vũ Thị Ngọc Hà

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Đợt: 3

Năm: 2022

(Kèm theo Quyết định công nhận tốt nghiệp số: 1851/2022/QĐ-BKSG ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Trung cấp Bách Khoa Sài Gòn).

NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG

STT	MSSV	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm tốt nghiệp		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
							Thang điểm 10	Thang điểm 4		
1	2203240138	Lâm Quế	Anh	02/06/2000	Nữ	Long An	7,6	3,01	Khá	
2	2203240215	Phùng Thị Lan	Anh	10/10/1997	Nữ	Thanh Hóa	7,7	3,05	Khá	
3	2203180114	Nguyễn Nam	Chiến	13/12/1991	Nam	Nghệ An	8,1	3,31	Giỏi	
4	2203180072	Phạm Thị Thu	Diễm	08/08/1989	Nữ	Bình Thuận	7,8	3,16	Khá	
5	2203240006	Nguyễn Nhị	Hà	04/01/1995	Nữ	Bình Định	7,7	3,05	Khá	
6	2203240329	Võ Thị Mỹ	Hạnh	25/06/1983	Nữ	Tiền Giang	7,1	2,72	Khá	
7	1193360119	Lê Chí	Hào	07/10/2004	Nam	TP. Hồ Chí Minh	6,7	2,47	Trung bình	
8	2203240060	Ngô Thị Thúy	Hằng	23/05/1996	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	8,1	3,31	Giỏi	
9	1203240087	Võ Trung	Hậu	10/09/2003	Nam	Bình Dương	8,0	3,25	Giỏi	
10	2203240111	Ngô Thị Phúc	Hậu	11/01/1980	Nữ	Bến Tre	8,1	3,33	Giỏi	
11	2203240077	Lâm Thị Hồng	Huệ	30/04/1993	Nữ	Kiên Giang	8,3	3,40	Giỏi	
12	2203240171	Trương Ngọc	Huyền	10/01/2002	Nữ	Bình Phước	7,7	3,15	Khá	
13	2203240196	Nguyễn Như	Huỳnh	01/10/2002	Nữ	Cần Thơ	6,5	2,37	Trung bình	
14	2203240102	Nguyễn Thị Cao	Kha	11/05/1996	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	7,5	2,91	Khá	
15	2203180016	Huỳnh Siêu Ái	Liên	16/04/1976	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	7,7	3,14	Khá	
16	2203180018	Trương Thị Cẩm	Loan	24/04/1992	Nữ	Tiền Giang	8,6	3,53	Giỏi	
17	1203180006	Nguyễn Thị Chúc	Ly	12/10/1991	Nữ	Vĩnh Long	8,5	3,53	Giỏi	
18	2193240143	Lê Quang	Minh	22/08/2001	Nam	Lâm Đồng	6,0	2,06	Trung bình	
19	1193360041	Nguyễn Công	Minh	01/03/2004	Nam	Quảng Nam	6,2	2,18	Trung bình	
20	217020939	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	22/08/1998	Nữ	Bà Rịa - Vũng Tàu	6,0	2,13	Trung bình	
21	2203240175	Lê Thị	Nguyệt	01/01/2001	Nữ	Thanh Hóa	8,5	3,50	Giỏi	
22	2203240129	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	25/12/1993	Nữ	Quảng Ngãi	7,5	2,94	Khá	
23	2203180117	Lê Văn	Phong	27/06/1998	Nam	Đắk Lắk	7,6	2,93	Khá	
24	2203240179	Đàm Võ Tấn	Phú	17/11/1988	Nam	TP. Hồ Chí Minh	7,9	3,29	Giỏi	
25	2203240141	Bùi Thị Thanh	Phương	20/03/2001	Nữ	Quảng Ninh	6,7	2,45	Trung bình	
26	2203240061	Trần Nguyễn Phương	Quyên	17/09/2000	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	7,7	3,05	Khá	
27	2203240292	Khuông Thị	Quỳnh	30/11/2000	Nữ	Thanh Hóa	7,3	2,77	Khá	
28	1203240037	Dương Thiện Trúc	Tâm	30/12/1995	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	6,4	2,32	Trung bình	
29	2203240293	Lê Thị Hồng	Tím	17/07/2002	Nữ	Kiên Giang	6,1	2,12	Trung bình	
30	1203240023	Võ Hoàng	Thái	14/07/2001	Nam	TP. Hồ Chí Minh	7,5	2,96	Khá	

STT	MSSV	Họ và tên đệm	Tên	Năm sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm tốt nghiệp		Xếp loại tốt nghiệp	Ghi chú
							Thang điểm 10	Thang điểm 4		
31	2193240163	Trần Ngọc	Thành	23/08/2000	Nam	TP. Hồ Chí Minh	6,4	2,25	Trung bình	
32	2203180050	Châu Anh	Thư	20/11/1997	Nữ	TP. Hồ Chí Minh	5,8	2,33	Trung bình	
33	2203240132	Trần Thị Bích	Trâm	01/11/2001	Nữ	Đắk Lắk	7,5	2,90	Khá	
34	1203180045	Nguyễn Thị Mai	Trình	21/02/1982	Nữ	An Giang	8,3	3,41	Giỏi	
35	1832420374	Lê Quốc	Trọng	10/05/1996	Nam	Quảng Bình	6,7	2,49	Trung bình	
36	2203240124	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	13/10/2002	Nữ	Tiền Giang	7,1	2,68	Khá	
37	2203180046	Nguyễn Ngọc Minh	Ý	04/02/1992	Nam	Ninh Thuận	7,6	3,05	Khá	
38	2203180071	Trần Thị	Yến	24/05/1991	Nữ	Hung Yên	7,3	2,90	Khá	

TP. HCM, ngày tháng 11 năm 2022

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG KHOA

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Nguyên Ngọc



Lê Bá Phước



Trần Văn Khoa



Nguyễn Thị Ngọc Hà